|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  ——  Số: /BC-BTC |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ————————————  *Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Về tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện**

**Chính sách miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Phát triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhận thức được vai trò quan trọng của ngành nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế xã hội, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó có chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN).

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đã được triển khai và thực hiện trong hơn 15 năm. Bộ Tài chính đã tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện miễn, giảm chính sách thuế SDĐNN thời gian qua như sau:

**I. Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN** **trong thời gian qua**

Trong những năm qua, kinh tế nông nghiệp và khu vực nông thôn đã có bước phát triển nhất định nhưng vẫn là khu vực có tốc độ phát triển chậm so với các khu vực khác của nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp nước ta nói chung vẫn mang tính chất của một nền sản xuất nhỏ, manh mún, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp còn thấp, đời sống người dân thuần nông eo hẹp về kinh tế và gặp nhiều khó khăn. Nhà nước ta đã có nhiều chính sách khác nhau nhằm hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là một trong những chính sách đã và đang phát huy những tác động tích cực và có ý nghĩa chính trị sâu sắc, cụ thể như sau:

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích năm 1994. Theo quy định của Luật thuế SDĐNN thì tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản; đất rừng trồng. Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu; Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản: Từ 50 kg đến 550 kg; đất trồng cây lâu năm: Từ 80 kg đến 650 kg; Cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm: Bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 1, 2, 3; Bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương.

Tại Luật thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế như sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, địch hoạ làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có các Nghị quyết mở rộng ưu đãi miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác qua các năm như sau:

***1. Giai đoạn 2001 - 2002***

- Thực hiện Nghị quyết số 24/1999/QH10 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2000, Chính phủ đã có Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 thực hiện trong năm 2001 miễn thuế SDĐNN đối với các hộ nghèo trong cả nước và các hộ ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 và giảm 50% thuế SDĐNN đối với đất trồng lúa và cà phê.

- Năm 2002, thực hiện Nghị quyết số 50/2001/QH10 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các hộ nghèo trong cả nước, đồng thời giảm 50% số thuế SDĐNN phải nộp đối với các hộ sản xuất nông nghiệp khác còn lại chưa được miễn thuế (hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác).

***2. Giai đoạn 2003 - 2010***

Năm 2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN như các năm trước đến hết năm 2010; đồng thời mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã. Cụ thể:

- Miễn thuế SDĐNN trong hạn mức theo quy định của pháp luật cho từng vùng đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhận đất giao khoán của doanh nghiệp, hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp. - Miễn thuế SDĐNN trong hạn mức đối với hộ xã viên góp ruộng đất để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Giảm 50% số thuế SDĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đối tượng không thuộc diện được miễn thuế nêu trên và diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn mức theo quy định của pháp luật đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên và hộ sản xuất nông nghiệp khác.

***3. Giai đoạn từ 2011 - 2020***

Năm 2010, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN như các năm trước đến hết năm 2020; đồng thời mở rộng diện được miễn, giảm thuế SDĐNN cho các đối tượng sau:

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

- Miễn thuế SDĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

+ Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền SDĐNN góp đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Giảm 50% số thuế SDĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp nhưng không quá hạn mức nhận chuyển quyền SDĐNN của hộ gia đình, cá nhân. Đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức nhận chuyển quyền SDĐNN thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

- Giảm 50% số thuế SDĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp;

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

- Giảm 50% số thuế SDĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.

Năm 2016, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN như các năm trước đến hết năm 2020; đồng thời mở rộng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế từ trong hạn mức cho đến toàn bộ diện tích đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hiện nay thuế SDĐNN đang được miễn đến hết 31/12/2020 theo Nghị quyết 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Nghị quyết số 28/2016/QH13 ngày 11/11/2016 của Quốc hội cho hầu hết các đối tượng. Riêng diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

**II. Tổng kết, đánh giá việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua**

Việc thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua, đặc biệt là việc ban hành các Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Nghị quyết số 28/2016/QH13 ngày 11/11/2016 về việc miễn thuế SDĐNN đối với hầu hết các trường hợp đã mang lại những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

**1. Kết quả đạt được**

*a) Thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*

- Điều 82 Luật Đất đai 2003 (có hiệu lực thi hành từ 1/7/2004) quy định: *“Nhà nước khuyến khích hình thức kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”.*

- Điều 142 Luật đất đai 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014) quy định: *“Nhà nước khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”.*

- Nghị quyết số 26/NQ/TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đặt ra mục tiêu đến năm 2020 là *"Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thuỷ sản đạt 3,5-4%/năm; SDĐNN tiết kiệm và hiệu quả; duy trì diện tích lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mặt và lâu dài. Phát triển nông nghiệp kết hợp với phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay*".

- Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ định hướng ưu tiên nhằm đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững là *“chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng; phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, rừng, lao động và nguồn vốn)...”*.

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đã nêu rõ định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng: *“xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao... ”; “tạo tiền đề triển khai tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô ruộng đất lớn,* *với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia”.*

Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ; góp phần khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích hình thức kinh tế trang trại, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, từ đó giúp người nông dân cải thiện đời sống, có thêm vốn tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản Việt Nam trên thị trường.

Việc mở rộng diện được miễn thuế SDĐNN tại Nghị quyết số 28/2016/QH14 góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

*b) Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, hỗ trợ nông dân có thêm vốn tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp.*

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Nhờ đó nông dân có điều kiện tăng tích lũy vốn để tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và mở rộng sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp để tạo ra sản phẩm có năng suất và chất lượng cao hơn, từ đó, giải quyết việc làm cho nông dân, khuyến khích người nông dân gắn bó hơn với đất, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là biện pháp khuyến nông, tạo cơ sở cho tập trung đất nông nghiệp để phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản, tăng thu nhập cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp, từ đó nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho khu vực nông thôn.

- Giai đoạn từ 2003 - 2010 (theo Nghị quyết số 15/2003/QH11)*:* Đây là giai đoạn đầu tiên Quốc hội ban hành chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất để sản xuất nông nghiệp của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở các xã đặc biệt khó khăn. Chính sách này đã góp phần giúp người dân giảm bớt khó khăn về đời sống, nhất là những xã ở vùng cao, vùng sâu.

*Bảng 1. Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN trong giai đoạn 2003-2011*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (Ha)** | **Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (Ha)** | **Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)** | **Số đối tượng được miễn (NNT)** | **Số thuế được miễn (tỷ đồng)** | **Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)** |
| 2003 | 6.103.681 | 5.782.556 | 10.726.969 | 10.479.748 | 2.337 | 114 |
| 2004 | 6.502.736 | 6.178.928 | 11.090.099 | 10.813.439 | 2.564 | 116 |
| 2005 | 6.441.686 | 6.067.272 | 10.658.117 | 10.989.438 | 2.727 | 122 |
| 2006 | 6.481.581 | 6.108.266 | 11.267.288 | 10.729.568 | 2.951 | 158 |
| 2007 | 6.392.026 | 6.034.786 | 11.094.551 | 10.814.533 | 3.225 | 155 |
| 2008 | 6.574.931 | 5.874.675 | 11.430.503 | 10.585.080 | 3.760 | 165 |
| 2009 | 6.639.220 | 6.029.547 | 11.576.987 | 11.321.243 | 4.084 | 183 |
| 2010 | 6.571.777 | 6.316.863 | 11.534.848 | 11.227.071 | 4.500 | 196 |
| ***Trung bình*** | ***6.463.455*** | ***6.049.112*** | ***11.172.420*** | ***10.870.015*** | ***3.269*** | ***151*** |

*(Nguồn: Tổng hợp sơ bộ trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)*

Theo Bảng 1 thì trong giai đoạn 2003-2010 tổng số đối tượng được miễn thuế SDĐNN trung bình là khoảng 10.870.015 NNT/năm, chiếm 97,3% tổng số đối tượng nộp thuế (11.172.420 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là 6.049.112 Ha, chiếm 93,6% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (6.463.455 Ha). Tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoảng 3.269 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 151 tỷ đồng.

- Giai đoạn từ 2010 - 2016 *(theo Nghị quyết số 55/2010/QH11):* So với Nghị quyết 15/2003/QH11, Nghị quyết 55/2010/QH13 đã mở rộng đối tượng miễn thuế SDĐNN. Theo đó, miễn thuế SDĐNN với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối. Chính sách này bên cạnh những mục tiêu khuyến khích phát triển nông nghiệp như giai đoạn trước, đã góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp; tạo điều kiện cho người dân trồng lúa và làm muối; từ đó đảm bảo nguồn cung đối với hai sản phẩm nông nghiệp này. Về cơ bản, Nghị quyết 55/2010/QH12 mang lại những kết quả như sau:

*Bảng 2. Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN trong giai đoạn 2011-2016*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (Ha)** | **Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (Ha)** | **Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)** | **Số đối tượng được miễn (NNT)** | **Số thuế được miễn (tỷ đồng)** | **Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)** |
| 2011 | 7.035.326 | 6.885.672 | 11.980.720 | 11.831.876 | 5.499 | 273 |
| 2012 | 7.541.366 | 7.396.428 | 12.151.362 | 12.045.228 | 6.031 | 284 |
| 2013 | 7.051.549 | 6.893.781 | 12.229.977 | 12.123.804 | 6.260 | 295 |
| 2014 | 7.194.863 | 7.051.294 | 12.023.132 | 11.901.019 | 6.581 | 317 |
| 2015 | 7.237.964 | 7.115.106 | 12.348.064 | 12.257.403 | 6.610 | 313 |
| 2016 | 7.240.557 | 7.119.082 | 12.342.703 | 12.255.094 | 6.869 | 330 |
| ***Trung bình*** | ***7.216.937,5*** | ***7.076.893,8*** | ***12.179.326*** | ***12.069.071*** | ***6.308,3*** | ***302*** |

*(Nguồn: Tổng hợp sơ bộ trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)*

Theo Bảng 2 thì trong giai đoạn 2011-2016 tổng số đối tượng được miễn thuế SDĐNN trung bình là khoảng 12.069.071 NNT/năm, chiếm 99% tổng số đối tượng nộp thuế (12.179.326 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là 7.076.893,8 Ha, chiếm 98,1% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (7.216.937,5 Ha). Tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoản 6.308,3 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 302 tỷ đồng.

- Giai đoạn từ 2016 - 2018 *(theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14):* Nghị quyết số 28/2016/QH14 đã mở rộng diện được miễn thuế SDĐNN nước giao đất nông nghiệp, trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp cũng được miễn thuế SDĐNN.



Theo ước tính của Tổng cục Thuế, trong giai đoạn 2017-2018, tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 17,1 tỷ đồng.

*c) Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*

Cùng với các chính sách ưu đãi khác, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hướng đến phát triển nông nghiệp toàn diện và bền vững. Việc ban hành các Nghị quyết miễn, giảm thuế SDĐNN đã thể hiện sự ưu đãi của Nhà nước đối với khu vực sản xuất nông nghiệp - khu vực đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nhưng còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình phát triển. Bên cạnh đó, việc liên tục mở rộng đối tượng và diện tích đất được miễn, giảm thuế SDĐNN từ 2003 đến nay đã góp phần mang lại sự ưu đãi hợp lý đối với những đối tượng sử dụng nhiều đất vào sản xuất nông nghiệp, khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp ở quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa.

Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong các năm vừa qua đã được người nông dân đánh giá cao, tạo sự gắn bó giữa người nông dân với Nhà nước, góp phần trực tiếp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của người nông dân, tạo động lực cho người nông dân gắn bó với ruộng đất hơn, chăm lo thâm canh phát triển sản xuất và ứng dụng công nghệ, giống mới vào sản xuất nông nghiệp.

*d) Góp phần xây dựng hệ thống chính sách khuyến khích đầu tư nông nghiệp, nông thôn đồng bộ.*

Nhận thức được tầm quan trọng của nền sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã đưa ra các chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn, cụ thể như sau:

*- Các chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:*

Luật Đất đai năm 2003 quy định Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trong các trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối; tổ chức sử dụng đất vào mục đích nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm về các lĩnh vực trên; đơn vị vũ trang được giao đất sản xuất trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; hợp tác xã xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối. Đồng thời, theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2005 thì hoạt động nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thuỷ sản; làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Luật Đất đai 2013 quy định về các đối tượng giao đất không thu tiền sử dụng đất bao gồm hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối. Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định thêm các trường hợp được miễn tiền thuê đất đối với các hợp tác xã xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối; miễn giảm đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời, Luật Đầu tư năm 2015 quy định nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; trồng và bảo vệ rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản phẩm công nghệ sinh học thuộc vào ngành nghề ưu đãi đầu tư.

Các quy định tại Luật đất đai và Luật đầu tư đều được xây dựng có sự tương quan, nhằm đồng bộ hoá chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, để cụ thể hóa chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại các Luật Đất đai và Luật Đầu tư, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 và Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 (thay thế Nghị định số 61/2010/NĐ-CP) về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó đã quy định cụ thể ưu đãi về đất đai (như miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); hỗ trợ đầu tư (như hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường, áp dụng khoa học công nghệ...); ưu đãi tín dụng (như cho vay, bảo lãnh tín dụng đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư, ưu đãi về tín dụng xuất khẩu, bảo lãnh tín dụng xuất khẩu...).

*- Các chính sách thuế, phí và lệ phí đối với nông nghiệp, nông thôn:*

+ Chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đổi với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư; giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được; nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Ngoài ra, miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất đối với giống cây trồng, vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định.

+ Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp quy định miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thuỷ sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thuỷ sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản; đồng thời quy định ưu đãi về thuế suất, thời gian miễn, giảm thuế đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

+ Chính sách thuế thu nhập cá nhân quy định miễn thuế đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản chưa qua chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường có thu nhập từ hoạt động này.

+ Chính sách thuế giá trị gia tăng quy định các hàng hoá chủ yếu dùng cho đầu vào hoặc liên quan đến dịch vụ cung cấp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (giống cây trồng, vật nuôi, nạo vét kênh mương nội đồng, phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp) hoặc áp dụng mức thuế suất thấp 5% (dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp..). Sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu được áp dụng mức thuế 0%, các cơ sở sản xuất kinh doanh xuất khẩu được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thuỷ sản nuôi trồng, đánh bắt chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định dự án đầu tư thuộc địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì được miễn, giảm thuế theo quy định.

+ Chính sách thuế tài nguyên quy định nước thiên nhiên dùng cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế tài nguyên; đồng thời quy định miễn thuế đối với một số trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (như nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thuỷ điện của hộ gia đình, cá nhân tự sản xuất phục vụ sinh hoạt, nước thiên nhiên do hộ gia đình, cá nhân khai thác phục vụ sinh hoạt...).

+ Chính sách lệ phí trước bạ quy định các trường hợp không phải nộp lệ phí trước bạ như đất được Nhà nước giao hoặc công nhận sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản và làm muối; đất nông nghiệp chuyển đổi quyền sử dụng giữa các hộ gia đình, cá nhân theo chủ trương chung về dồn điền đổi thửa; và các trường hợp được miễn lệ phí trước bạ như nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của người dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn.

+ Chính sách phí, lệ phí khác đã chuyển một số các khoản phí sang thực hiện theo giá dịch vụ (gồm thuỷ lợi phí; phí kiểm nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi; phí kiểm nghiệm thuốc thú y; phí kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; phí chẩn đoán thú y) và bãi bỏ các lệ phí (gồm lệ phí cấp giấy chứng nhận kết quả giám sát khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; lệ phí cấp giấy chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng; lệ phí cấp phép sản xuất kinh doanh thuốc thú y; lệ phí cấp phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; lệ phí cấp giấy phép đối với các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi; lệ phí cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt đối với động vật quý hiếm và sản phẩm của chúng).

Thông qua các quy định nêu trên có thể thấy, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN nói riêng và các chính sách về thuế, phí nói chung đều được xây dựng dựa trên chủ trương hỗ trợ, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, từ đó hình thành hệ thống cơ sở pháp lý phù hợp, đồng bộ, thống nhất, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai và thực hiện.

*e) Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là một trong những chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong những năm vừa qua, Quốc hội đã liên tiếp mở rộng diện miễn, giảm thuế SDĐNN nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần tạo nguồn lực cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp, tăng thế mạnh của nông sản Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới trong bối cảnh cạnh tranh thương mại khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do. Việc hỗ trợ về thuế đối với khu vực sản xuất nông nghiệp trong những năm qua đã góp phần đưa Việt Nam dẫn đầu trong xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản (gỗ, thủy sản, điều, tiêu...), khẳng định năng lực cạnh trạnh của Việt Nam trong hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là phù hợp với cam kết của Việt Nam khi trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tiếp tục tạo môi trường đầu tư thuận lợi trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư quốc tế, đầu tư trong nước vào sản xuất nông nghiệp, góp phần đẩy nhanh quá trình CNH - HĐH đất nước.

*f) Phù hợp với bối cảnh hội nhập và thông lệ quốc tế.*

Xu hướng đẩy mạnh hợp tác quốc tế và toàn cầu hoá, với nhiều Hiệp định thương mại tự do được ký kết đã mang lại cho nền kinh tế nhiều cơ hội và thách thức. Một mặt tạo thuận lợi mạnh mẽ cho việc xuất khẩu hàng hoá trong nước, một mặt khiến sản phẩm nội địa nói chung và nông sản Việt Nam nói riêng đứng trước sức ép cạnh tranh lớn từ hàng hoá nhập khẩu trong khu vực và quốc tế. Để có thể tận dụng được thuận lợi trong xu thế thương mại tự do, đòi hỏi sản xuất nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển bền vững, năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phần lớn các nước đều đưa đất nông nghiệp vào đối tượng chịu thuế tài sản (như: Canada, Argentina; Chi-lê, Mê-xi-cô, Ấn Độ) hoặc thuế nhà, đất (như Indonexia) hoặc thuế đất (như Úc, Đức, Thái lan). Một số ít nước ban hành Luật thuế riêng về SDĐNN tương tự Việt Nam *(như: Albania, Bulgari, Georgia, Ba lan, Trung Quốc...).*

Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế[[1]](#footnote-2) mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDĐNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp *(Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...)*; miễn một phần hay toàn bộ số thuế phải nộp *(Úc, Ba Lan, Colombia, Nicaragua, Cộng hòa Domenica, Campuchia, Mông Cổ...)*, hay không đưa đất sử dụng sản xuất nông nghiệp vào diện chịu thuế *(Thụy Điển, Italia, Anh,...)*.

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp[[2]](#footnote-3), trợ cấp nông nghiệp[[3]](#footnote-4) thì miễn thuế SDĐNN được sử dụng chủ yếu như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Như vậy, việc miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

g) *Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN*

Việc quản lý thu thuế SDĐNN hiện nay đã được quy định cụ thể, chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hiệu quả hoá công tác quản lý thuế. Theo đó, người nộp thuế SDĐNN nộp hồ sơ khai thuế cho Chi cục thuế nơi có đất chịu thuế SDĐNN. Trường hợp trong năm có phát sinh tăng, giảm diện tích chịu thuế SDĐNN thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là mười ngày kể từ ngày phát sinh tăng, giảm diện tích đất. Trường hợp được miễn hoặc giảm thuế SDĐNN thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế SDĐNN cùng giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế, giảm thuế của năm đầu tiên và năm tiếp theo năm hết thời hạn miễn thuế, giảm thuế.

Ngoài ra, thông qua việc kê khai xác định số thuế SDĐNN được miễn, giảm, Nhà nước kiểm soát và quản lý việc SDĐNN tới từng xã; nắm được sự biến động và tình hình quản lý, SDĐNN ở từng địa phương, trực tiếp phục vụ cho việc quản lý nhà nước về đất đai; chính quyền các cấp đã nắm bắt được hiện trạng đất đai, phát huy tốt vai trò của chính quyền địa phương trong quản lý đất đai, góp phần kiểm soát được quỹ đất hiện có, tạo điều kiện thực hiện quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế tình trạng giảm diện tích đất nông nghiệp. Kết quả này có được từ sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp. Bên cạnh đó, chủ trương miễn, giảm thuế SDĐNN nhận được sự đồng thuận rộng rãi trong dư luận nên công tác quản lý thuế SDĐNN trên cả nước có nhiều thuận lợi.

**2. Về hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, việc miễn, giảm thuế SDĐNN thời gian qua cũng có một vài hạn chế như sau:

- Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua đã làm giảm thu ngân sách nhà nước, cụ thể: Tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003 - 2010 trung bình khoảng 3.263 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011 - 2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2016 - 2018 và dự kiến đến hết năm 2020 khoảng 9.770 tỷ đồng/năm. Tuy nhiên, đây là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế với việc các hiệp định tự do thương mại song phương, đa phương, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN có thể được xem là một dạng trợ cấp chính phủ. Trợ cấp chính phủ đối với ngành sản xuất, bất kể là trong nước hay xuất khẩu đều sẽ tạo cho các doanh nghiệp được trợ cấp lợi thế cạnh tranh không lành mạnh, tạo ra lợi ích không hợp lý giữa các chủ thể cùng tham gia hoạt động kinh doanh. Đặc biệt trong bối cảnh thực hiện thương mại quốc tế, trợ cấp chính phủ hay ưu đãi quốc gia được xem là phương pháp không phù hợp nhằm thúc đẩy lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm trong nước.

Tuy nhiên, trợ cấp chính phủ chỉ được xem là phương pháp cạnh tranh không lành mạnh khi chỉ mang tính ưu đãi riêng biệt đối với một doanh nghiệp, một nhóm doanh nghiệp hoặc một ngành, một khu vực cụ thể. Trong khi đó, chính sách miễn thuế SDĐNN được áp dụng chung cho tất cả các đối tượng, chỉ mang tính khuyến khích phát triển, không nhằm mục đích trực tiếp cắt giảm chi phí hay mang lại lợi thế trực tiếp cho ngành sản xuất nông nghiệp Việt Nam nên không được xem là trợ cấp chính phủ nhằm mục đích ưu đãi cho sản phẩm nội địa.

- Do thực hiện miễn thuế SDĐNN đối với hầu hết các đối tượng nên số thu không đáng kể từ đó ảnh hưởng đến công tác quản lý đất nông nghiệp do phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất nên việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn. Tuy nhiên, chính sách miễn thuế SDĐNN là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa quan trọng đối với nông nghiệp, nông dân nên cần phải tiếp tục được duy trì.

**III. Đề xuất, kiến nghị:**

Theo quy định hiện hành thì chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết 31/12/2020 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14 để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

Việc miễn thuế SDĐNN trong thời gian qua là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc quy định miễn thuế SDĐNN không gây xung đột, vướng mắc trong quan hệ thương mại với các nước, không vi phạm các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập WTO.

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, đề nghị tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo (2021-2020). Bên cạnh đó cũng cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp khác để khuyến khích SDĐNN có hiệu quả như tăng cường công tác quản lý đất nông nghiệp, kiên quyết thu hồi diện tích đất nông nghiệp không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, giao khoán, cho thuê, cho mượn trái pháp luật, bị lấn, bị chiếm theo quy định của Luật đất đai để tạo quỹ đất giao, cho thuê đối với hộ gia đình, cá nhân.

Trên đây là những nội dung cơ bản về tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được cũng như kiến nghị trong quá trình thực hiện chính sách việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT. | **BỘ TRƯỞNG**  **Đinh Tiến Dũng** |

1. Việc miễn thuế đất nông nghiệp được coi là hiệu quả và hợp lý do thuế đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân thường có số thu nhỏ, chi phí thu, nộp và quản lý cao (như Tan-za-ni-a, Tuy-ni-zi). [↑](#footnote-ref-2)
2. Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc). [↑](#footnote-ref-3)
3. Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU’s Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai. [↑](#footnote-ref-4)